Name: .................................................. Class: .........

**UNIT 9: NATURAL DISASTERS**

**GRAMMAR AND EXERCISES**

**A. REVIEW RELATIVE PRONOUNS**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mệnh đề quan hệ xác định** **(Defining relative clause)** | **Mệnh đề quan hệ không xác định****(Non-defíning relative clause)****(có dấu phẩy)** |
| Đây là mệnh đề cần thiết. Mệnh đề này là một bộ phận của câu. Thiếu nó câu sẽ không đầy đủ ý nghĩa.***Ví dụ:***- I told you about the woman who lives next door.- I was invited by the professor whom 1 met at the conference.- Do you see the cat which is lying on the roof? She gave me a book which I like very much.- Do you know the boy whose mother is a nurse? ***Lưu ý:*** Có thể dùng THAT trong mệnh đề quan hệ hạn định. | Đây là loại mệnh đề không cần thiết vì tiền ngữ đã được xác định, không có nó câu vẫn đủ nghĩa. Mệnh đề quan hệ không xác định được ngăn với mệnh đề chính bàng các dấu phẩy. Trước danh từ thường có: *this, that, these, those, my, his...* hoặc tên riêng.***Ví dụ:***- That man, whom you saw yesterday, is Mr Pike.- This is Mr Jones, who helped me last week.- Mary, whose sister 1 know, has won an Oscar.- Harry told me about his new job, which he's enjoying very much.***Lưu ý:*** Không được dùng THAT trong mệnh đề quan hệ không hạn định (non-defining relative clause). |

|  |  |
| --- | --- |
| **Đại từ quan hệ** | **Cách dùng – Ví dụ** |
| **WHO** | Làm chủ ngữ hoặc tân ngữ, thay thế cho danh từ chỉ người.….. N (person) + WHO + **V** + O Ví dụ: The person I love the most in this world is my mom **who** is a dedicated teacher.  |
|   **WHOM** | Làm tân ngữ, thay thế cho danh từ chỉ người.…..N (person) + WHOM + **S** + VVí dụ: Do you know the man **who**/ **whom** my dad is talking to?  |
| **WHICH** | Làm chủ ngữ hoặc tân ngữ, thay thế cho danh từ chỉ vật.….N (thing) + WHICH + V + O….N (thing) + WHICH + S + VVí dụ: I really want to travel to Korea **which** has a lot of delicious street food.  |
| **THAT** | Làm chủ ngữ hoặc tân ngữ, thay cho cả danh từ chỉ người và danh từ chỉ vật.Ví dụ: Sarah keeps talking about the film **which / that s**he saw yesterday.\* Các trường hợp thường dùng “that”:- khi đi sau các hình thức so sánh nhất- khi đi sau các từ: only, the first, the last- khi danh từ đi trước bao gôm cả người và vật- khi đi sau các đại từ bất định, đại từ phủ định, đại từ chỉ số lượng: no one, nobody, nothing, anyone, anything, anybody, someone, something, somebody, all, some, any, little, none.**\* Các trường hợp không dùng that:** - trong mệnh đề quan hệ không xác định (có dấu phẩy) - sau giới từ  |
| **WHOSE** | Chỉ sự sở hữu của cả người và vật.…..N (person, thing) + WHOSE + N + V ….Ví dụ: Mr. Holland whose son has received a scholarship is very proud.  |

**TRẠNG TỪ QUAN HỆ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trạng từ quan hệ** | **Cách dùng – ví dụ** |
|  **WHEN**  |  (+ on / at / in which): Thay cho danh từ chỉ thời gian….N (time) + WHEN + S + V… (WHEN = ON / IN / AT + WHICH)Ví dụ: Tell me the time **when**(= at which) we can depart.  |
| **WHERE**  |  (= at/ in/ from/ on which): Thay cho danh từ chỉ nơi chốn Ví dụ: Next month I will come back to the place **where** my mom was born.  |
| **WHY**  |  (= for which): Dùng để chỉ lý do, thay cho *the reason, for that reason.*Ví dụ: That is the reason why (= for which) the flight was delayed.  |

**EX 1: Choose the best answers**:

1. He came in and didn’t say anything, \_\_\_\_\_\_\_\_\_ worried all of us.

a. that b. whose c. whom d. which

2. Daisy,\_\_\_\_\_\_\_\_ is always well dressed, has won the beauty contest.

a. that b. who c. which d. whom

3. This is the man \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ has asked me to marry him.

a. who b. whose c. which d. whom

4. The man \_\_\_\_\_\_\_\_\_ repaired my car was very old.

a. whose b. who c. that d. b and c

5. Bill,\_\_\_\_\_\_\_\_\_ apartment I stayed in, Is also a student.

a. which b. who c. whose d. that

6. He is the man \_\_\_\_\_\_\_\_\_ I told you about.

a. which b. that c. whom d. a and b

7. This is the thing \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ you need.

a. X b. who c. what d. whose

8. What’s the name of the man \_\_\_\_\_\_\_\_\_ gave us a lift?

a. he b. whom c. which d. who

9. She is very shy today, \_\_\_\_\_\_\_\_\_ surprises me a lot.

a. which b. who c. what d. whom

10. My brother, \_\_\_\_\_\_\_\_\_ I look like, lives in Dallas.

a. which b. who c. whom d. b and c

11. The man, \_\_\_\_\_\_\_\_ son was ill called the doctor.

a. X b. whose c. which d. that

12. The person \_\_\_\_\_\_\_\_ injured twenty people happened at about 11:P.M.

a. which b. whose c. who d. what

13. How much is the shirt \_\_\_\_\_\_\_\_ you wore last Saturday night ?

a. which b. who c. that d. a and c

14. My friend Tom, \_\_\_\_\_\_ works in a City Bank, earns much more than I do.

a. that b. which c. who d. whose

15. Atlanta is the city \_\_\_\_\_\_\_\_ the Olympic Games were held in 1996.

a. that b. when c. where d. which

16. Sandra can’t remember the name of the shop \_\_\_\_\_ she bought the sofa from.

a. where b. whose c. which d. what

17. The castle \_\_\_\_\_\_\_\_\_ we visited last year was magnificent.

a. who b. where c. whose d. that

**EX 2: REWRITE**

1. The man is a famous actor. You met him at the party last night

🡲 **The man \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

2.Have you ever spoken to the people? They live next door.

🡲 **Have you \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_?**

3.It’s the book. It will interest children of all ages.

🡲**It’s \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.**

4.The Pikes keep having all- night parties. They live next door.

🡲 **The Pikes, who \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

5. This is the newspaper. I want you to buy it.

 🡲**This is \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

6. People live longer. They take physical exercise.

 🡲**People who \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

7**.**  Tom and Peter didn’t come. They were invited.

 🡲**Tom and Peter, who \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

8. There are some words . They are very difficult to translate

 🡲 **There are some words \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

9.Mrs. White has just had her second baby. She’s been married for 4 years.

 🡲 **Mrs.White , who \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.**

10.The woman has died. She gave me this novel.

 🡲 **The woman who \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

11. Students will be punished .Their homework is late.

 **🡪The student \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

12.The building was destroyed in the fire. It has been now rebuilt.

 **🡪** **The building \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

13.I bought a new typewrite. It cost me a lot of money.

 🡪 **I bought a \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

14.Sandra works in advertising .You were talking to her

 🡪 **Sandra , whom \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

15.The man is Mr. Tan. He is wearing a blue shirt.

 **🡪** **The man who \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**B. CONDITIONAL SENTENCES: TYPE II**

**If + S + were/V2/Ved, S + would +V1**

=> Dieãn taû ñieàu kieän khoâng coù thaät ôû hieän taïi

Ex: If I were you, I wouldn’t do that. **\* Note : Unless = If …not**

**EX 3: Put the verbs in brackets in the correct form (Conditional sentence Type 2):**

1. If you ate less, you (not be)…………………..healthy enough

2. If you (have)…………………a typewriter, I would type it myself.

3. If he worked more slowly, he (not make)……………………….so many mistakes.

4. You could get a job easily if your degrees (be)………………………good.

5. He might get fat if he (not stop)………………….eating too much fatty food .

6. You (not have)………………………………….so much trouble if you had your car.

7. I would keep a horse if you (can)………………………afford it.

8. If he knew it was dangerous, he (not come)………………………………………..

9. He (look)………………….better if he ironed his clothes more often.

10. If I (look)…………………………..her address, I would give it to you.

**EX 4 Rewrite these sentences using conditional sentences :**

1. You work too fast. You make many mistakes.

-> If …………………………………………………………………………………………

2. I don’t know his address, so I can’t write to him

-> If …………………………………………………………………………………………

3. I don’t have much time, so I read very little.

-> If …………………………………………………………………………………………

4. People drive too fast. There are so many accidents.

-> If ……………………………………………………………………………………………

5. I haven’t got a key, so I can’t get in.

-> If ……………………………………………………………………………………………

6. I’m not rick, so I don’t live in a big house.

-> If ……………………………………………………………………………………………

7. She buys a lot of clothes, so she has no money.

-> If …………………………………………………………………………………………

8. I have to work tomorrow evening, so I cannot meet you.

-> If …………………………………………………………………………………………

9. We don’t visit you very often because you live so far away.

-> If …………………………………………………………………………………………

10. Sandra can’t take a photo because she hasn’t got a camera.

-> If …………………………………………………………………………………………

13. It’s raining, so we can’t have lunch in the garden.

-> If …………………………………………………………………………………………